

Bản án số: 873/2026/HS-PT
Ngày 23-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức ;

Ông Nguyễn Hữu Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 767/2026/TLPT-HS ngày 27 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Thế D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 244/2026/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thế D sinh năm 1999 tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế M và bà Nguyễn Thị Mỹ D1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thế D: Bà Mai Thị Vân A – Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo; 01 bị hại; 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thượng Đăng K là chiến sĩ nghĩa vụ được phân công làm việc tại Đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy (PCCC) Công an thành phố T có địa chỉ: Khu phố L, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương từ đầu năm 2023. Quá trình làm việc tại đây, bị cáo K thấy có nhiều xe mô tô tạm giữ còn mới và không có người trực tiếp quản lý việc xuất, nhập xe mô tô bị tạm giữ vi phạm hành chính của Đội Cảnh sát giao thông và Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy nên bị cáo K nảy sinh ý định lấy các xe mô tô này đem ra ngoài bán lấy tiền tiêu xài.

Để thực hiện hành vi, bị cáo K đã chụp ảnh biển số và quay video các xe mô tô, sau đó gửi qua Z cho H và M1 (chưa rõ lai lịch) nhằm thỏa thuận việc mua bán. Khoa hẹn hai đối tượng này khi bản thân trực công sẽ tiến hành lấy xe. Trong quá trình thực hiện, K còn bàn bạc và được Nguyễn Thế D đồng ý cho lấy xe qua cổng trong ca trực của D hai lần. Số xe lấy được K bán cho H và M1 với giá giao động từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng một chiếc.

Từ ngày 07/6/2023 đến ngày 27/7/2023, bị cáo K đã bán cho M1 và H các xe mô tô cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 7/6/2023, K lấy 06 xe mô tô gồm:
 1. Xe mô tô nhãn hiệu Vario 150, màu bạc đen, biển số 68G2 - 00498;
 2. Xe mô tô nhãn hiệu Vario, màu xanh cam, biển số 67B2 - 61560;
 3. Xe mô tô nhãn hiệu Vario, màu đen, biển số 67C1 - 81080;
 4. Xe mô tô nhãn hiệu Vario 125, màu đen, biển số 83Y1 - 11615;
 5. Xe mô tô nhãn hiệu Vario 125, màu đen xanh, biển số 66G1 - 56478;
 6. Xe mô tô nhãn hiệu Vario 125, màu đen, biển số 83P4 - 24796.
- Lần thứ 2: Vào ngày 22/6/2023, K lấy 04 xe mô tô gồm:
 1. Xe mô tô nhãn hiệu Winner X màu xanh đen, biển số 81B3 - 13734;
 2. Xe mô tô nhãn hiệu MXKING 150, màu đen cam, biển số 93P2 - 75476;
 3. Xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đen (gắn biển xin số);
 4. Xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu trắng, gắn biển số 64E1 - 33580.
- Lần thứ 3: Vào ngày 26/6/2023, K lấy 01 xe mô tô nhãn hiệu MXKING, màu xanh đen, biển số 69N1 - 67637.
- Lần thứ 4: Vào ngày 10/7/2023, K lấy 02 xe mô tô gồm:
 1. Xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu đỏ đen, biển số 69K1 - 34432;
 2. Xe mô tô nhãn hiệu Exciter 150, màu xám xanh đen, biển số 83P4 - 52035.

- Lần thứ 5: Vào ngày 11/7/2023, K lấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter 150, màu đen gắn biển số 67E1 - 67979.

- Lần thứ 6: Vào ngày 17/7/2023, K lấy 03 xe mô tô gồm:

1. Xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đen, biển số 83Z1 - 13013;
2. Xe mô tô nhãn hiệu Janus, màu đen, biển số 69K1 - 27453;
3. Xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, màu xanh xám đen gắn biển số 69B1 - 66669.

- Lần thứ 7: Vào ngày 18/7/2023, K lấy 02 xe mô tô gồm:

1. Xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đen, biển số 66G1 - 51937;
2. Xe mô tô nhãn hiệu Wave Anpha, màu trắng đen bạc, biển số 84B1 - 95361.

- Lần thứ 8: Vào ngày 21/7/2023, K lấy 02 xe mô tô gồm:

1. Xe mô tô nhãn hiệu Wave, màu đen bạc, biển số 68B1 - 60005;
2. Xe mô tô nhãn hiệu Future, màu đen đỏ, biển số 68E1 - 43201.

- Lần thứ 9: Vào ngày 22/7/2023, K lấy 02 xe mô tô gồm:

1. Xe mô tô nhãn hiệu Lead, màu vàng, biển số 61E1 - 50019;
2. Xe mô tô nhãn hiệu Vision, màu cam nâu đen, biển số 67N1 - 53231.

- Lần thứ 10: Vào ngày 25/7/2023, K và D lấy 05 xe mô tô gồm:

1. Xe mô tô nhãn hiệu Future Fi, màu trắng nâu đen, biển số 67B2 - 61471;
2. Xe mô tô nhãn hiệu Vision, màu đen đỏ, biển số 69D1 - 38283;
3. Xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu xanh xám đen, biển số 84E1 - 39452;
4. Xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu xám đen biển số 66K1 - 54166;
5. Xe mô tô nhãn hiệu KYMCO K PIPE, màu đỏ đen, biển số 64H1 - 16761.

- Lần thứ 11: Vào ngày 27/7/2023, K và D lấy 06 xe mô tô gồm:

1. Xe mô tô nhãn hiệu Vision, màu đen đỏ, biển số 66F1 - 62853;
2. Xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu trắng đỏ đen, biển số 95E1 - 99270;
3. Xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu xám đen, biển số 60B4 - 97500;
4. Xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu đen, biển số 68G1 - 98188;
5. Xe mô tô nhãn hiệu SH Mode, màu trắng nâu, biển số 37L1 - 39495;
6. Xe mô tô nhãn hiệu GYONO màu trắng (không rõ biển số).

Tại Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐGTS ngày 27/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong TTHS thành phố T kết luận: 34 chiếc xe mô tô biển số 81B3-13734, 66G1-51937, 67B2-61560, 37L1-39495, 83Z1-13013, 69N1-67637, 60B4-97500, 68B1-60005, 68G1-98188, 93P2-75476, 67C1-81080, 95E1-99270, 83Y1-11615, 66G1-56478, 83P4-52035, 84B1-

95361, 67B2-61471, 84P4-24796, xe mô tô biển số 68G2-00498, 61E1-33580, 69K1-34432, 67E1-67979, 69K1-27453, 69B1-66669, 68E1- 43201, 61E1-50019, 67N1-53231, 69D1-38283, 84E1-39452, 66K1-54166, 64H1-16761, xe mô tô hiệu Gyono số khung 119722 số máy 148397989 có tổng trị giá là 680.335.000 đồng.

Trong tháng 07/2023, người dân bị tạm giữ xe mô tô đóng phạt vi phạm hành chính đến liên hệ nhận lại xe thì phát hiện xe bị mất nên hành vi của bị cáo K bị phát hiện.

Bị cáo K đã liên hệ với H và M1 chuộc lại 16 xe mô tô trả lại cho Đội Cảnh sát giao thông Công an thành phố T còn 18 xe mô tô bị cáo K không chuộc lại được bao gồm các biển kiểm soát: 81B3-13734, 66G1-51937, 67B2-61560, 37L1-39495, 83Z1-13013, 69N1-67637, 60B4-97500, 68B1-60005, 68G1-98188, 93P2-75476, 67C1-81080, 95E1-99270, 83Y1-11615, 66G1-56478, 83P4-52035, 84B1-95361, 67B2-61471, 84P4-24796. Bị cáo K đã tự ý thu mua 18 phương tiện không rõ nguồn gốc từ các đối tượng lạ. Sau đó, bị cáo lên mạng xã hội Facebook đặt làm giả các biển số nêu trên nhằm thay thế vào số xe đã lấy trộm. Qua kết quả trưng cầu giám định của Cơ quan điều tra, toàn bộ 18 xe này đều bị đục sửa, thay đổi số khung, số máy. Cơ quan điều tra đã thông báo tìm chủ sở hữu trên phương tiện thông tin đại chúng liên tiếp 03 kỳ, đến nay vẫn chưa có tổ chức, cá nhân nào đến hệ thống nhận lại tài sản.

Trong ca trực công, bị cáo D đã bàn bạc, thống nhất với bị cáo K, tạo điều kiện cho người quen của K vào chiếm đoạt 11 xe mô tô mang đi tiêu thụ. Sau khi bán được tài sản, bị cáo K đã chia cho bị cáo D 7.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Đội Cảnh sát giao thông Công an thành phố T (nay là Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H) yêu cầu bị cáo K bồi thường giá trị 18 xe mô tô là 371.335.000 đồng. Ông Thượng Văn S (ba của bị cáo K) đã nộp tiền bồi thường tại Cơ quan Thi hành án dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 244/2026/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 17- Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thế D 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Thượng Đăng K 12 (mười hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 28/7/2026, bị cáo Nguyễn Thế D có đơn kháng cáo xin xem xét chuyển khung hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin xem xét chuyển khung hình phạt và xin được hưởng án treo; kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết gia đình có công với cách mạng, được truy tặng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng... là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo D là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 244/2026/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thế D trình bày tranh luận: Thống nhất về tội danh, điều khoản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt. Tuy nhiên, mức hình phạt 03 năm tù là quá nghiêm khắc. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, bị cáo D tham gia với vai trò thứ yếu và chỉ giúp sức 02 lần để lấy 11 chiếc xe mô tô và chỉ được chia số tiền 7.500.000 đồng. Người bào chữa bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ là gia đình bị cáo có bà cô tên Trần Thị V được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, ông nội tên Nguyễn Văn B là cha của liệt sỹ, được trao tặng Bằng vàng gia đình danh dự là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 2 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo hoặc trong trường hợp bị cáo không đủ điều kiện cho hưởng án treo thì đề nghị áp dụng chính sách khoan hồng của pháp luật để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo có điều kiện sớm trở về chăm lo cho gia đình, làm lại cuộc đời.

Bị cáo thống nhất với phần trình bày của người bào chữa; không tham gia tranh luận gì thêm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng.

Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của kiểm sát viên; người bào chữa cho bị cáo, có cơ sở xác định như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 07/6/2023 đến ngày 27/7/2023, tại bãi đỗ xe của Đội Phòng cháy, chữa cháy Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Thượng Đăng K và bị cáo Nguyễn Thế D đã chiếm đoạt 11 lần tổng cộng 34 xe. Trong đó bị cáo D cùng với bị cáo K chiếm đoạt 02 lần với 11 xe mô tô các loại gồm các biển số kiểm soát sau: 67B2 - 61471, 69D1 - 38283, 84E1 - 39452, 66K1 - 54166, 64H1 - 16761, 66F1 - 62853, 95E1 - 99270, 60B4 - 97500, 68G1 - 98188, 37L1 - 39495, xe mô tô nhãn hiệu GYONO màu trắng (không rõ biển số) .

Tại Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐGTS ngày 27/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong TTHS thành phố T, tỉnh Bình Dương kết luận: 34 chiếc xe trên có trị giá là 680.335.000 (sau trăm tám mươi triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn) đồng; trong đó bị cáo D cùng với bị cáo K chiếm đoạt 02 lần với 11 xe mô tô các loại có trị giá là 180.833.000 (một trăm tám mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn) đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Thượng Đăng K bị xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 173; Nguyễn Thế D bị xét xử theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ; làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan chức năng trong việc quản lý tài sản bị tạm giữ chờ xử lý về vi phạm tham gia giao thông; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Xét kháng cáo đề nghị xem xét chuyển khung hình phạt nhẹ hơn và xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết gia đình có công với cách mạng: ông nội tên Nguyễn Văn B có giấy công nhận là cha của Liệt sĩ; Bảng vàng gia đình danh dự; bà cố tên Trần Thị V được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo; giá trị chiếm đoạt tài sản của từng bị cáo. Tuy tại cấp phúc thẩm bị cáo có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng nhận thấy; Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội là phù hợp. Do đó bị cáo đề nghị xem xét chuyển khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thế D, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 244/2026/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thế D 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Thế D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GĐKT1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh (03);
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng PV06 – Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, 20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Lộc